

Áp dụng phương pháp tạo lập bài thuyết trình nghị luận dựa trên lí thuyết về lập luận vào giảng dạy cho học sinh trung học phổ thông

Nguyễn Thị Quỳnh Anh*

*ThS. GV, Trường THPT Vinschool Times City

Received: 22/01/2024; Accepted: 25/01/2024; Published: 15/02/2024

Abstract: The 2018 Literature Program focuses on developing skills: Reading - Writing - Speaking – Listening. Speaking skill is an important content, but it has not focused on understanding and developing research in the current context, especially in the argumentative presentation (most popular in the program). The research focuses on providing specific methods to create an argumentative presentation based on the core theory of the genre, as argumentation theory. The research paper applies methodology, summary method, and qualitative method to learn about argumentation theory, how to create reputable arguments, and methods of building the introduction, body and conclusion according to the structure for the presentation. From the research results, the article proposes a method to guide students in building a presentation according to argumentation theory to increase the effectiveness of persuasion in their speech.

Keywords: Argument theory, argumentative presentations, Literature program 2018, teaching methods, speaking skills

1. Mở đầu

Hiện nay, thực trạng về việc giảng dạy và học tập kĩ năng nói – nghe trong Nhà trường còn nhiều hạn chế. Thời lượng phân phối chương trình cho tiết nói – nghe không nhiều, các phương pháp giảng dạy và rèn luyện kĩ năng cùng với các hình thức kiểm tra đánh giá chưa có tính ứng dụng và thiết thực.

Việc giảng dạy kĩ năng nói và tạo lập bài nói nghị luận của học sinh và giáo viên còn nhiều hạn chế do sự tự phát trong tư duy, không xây dựng dàn ý đủ chắc chắn. Nội dung bài viết này sẽ đưa ra một số cơ sở lí thuyết và phương pháp cụ thể về việc xây dựng bài nói (thuyết trình) nghị luận dựa trên lí thuyết về lập luận (yếu tố quan trọng của văn bản nghị luận) để bài nói có chiều sâu, hấp dẫn và đạt được tính thuyết phục cao.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lí thuyết về lập luận

2.1.1 Khái niệm lập luận

Nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra quan điểm có nét tương đồng về khái niệm lập luận.

Theo Aristote [1,tr145], có ba nhân tố phải đạt được để lời nói của mình thuyết phục được người nghe. Đó là:

- + Lí lẽ: Muốn thuyết phục được phải có lí lẽ.
- + Xúc cảm: Có lí chưa đủ để thuyết phục. Lời nói phải gây ra được tình cảm, thiện cảm của người

tiếp nhận.

+ Người tiếp nhận: Lời nói chẳng những phải có lí, phải có tình cảm, gây được thiện cảm mà còn phải phù hợp nền văn hóa, sở thích, tính cách và các yếu tố quanh người tiếp nhận.

Tác giả Đỗ Hữu Châu nêu định nghĩa “*Lập luận là đưa ra những lí lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một kết luận hay chấp nhận một kết luận nào đấy mà người nói muốn đạt tới*” [2, tr 155]

Tác giả Nguyễn Đức Dân cho rằng “*Lập luận là một hoạt động ngôn từ. Bằng công cụ ngôn ngữ, người nói đưa ra lí lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một hệ thống xác tín nào đó; rút ra một (một số) kết luận hay chấp nhận một (một số) kết luận nào đó*” [3, tr.165].

Có thể xây dựng khái niệm về lập luận như sau: *Lập luận là một hành động ngôn ngữ của người nói, xuất phát từ các luận cứ (lí lẽ và dẫn chứng) dẫn dắt người nghe đi đến chấp nhận một kết luận nào đó.*

Có thể xây dựng mô hình về lập luận như sau
Luận cứ (Lí lẽ - Dẫn chứng) → **Kết luận** (Mục đích mà người nói muốn hướng tới)

Ví dụ: (1) *Tiếng cười giúp trị liệu những căn bệnh tinh thần.* (2) *Tiếng cười là một hình thức chữa lành, dựa trên những nguyên lí được các chuyên gia ngành y thừa nhận.* (3) *Những nghiệt ngã, âu sầu, lo lắng như những gị sét bám vào cuộc sống của ta, phải*

được rửa sạch bằng niềm vui. (4) Thật vậy, một thầy thuốc vui vẻ, tự họ còn giúp ích nhiều hơn những viên thuốc họ kê cho bệnh nhân. (5) Ở phía tây Niu Oóc (New York), có một vị bác sĩ tên là Bơ-đích (Burdick), ông được gọi là “bác sĩ cười” vì luôn luôn xuất hiện trước mọi người với nụ cười vui vẻ nhất, và sự hài hước của ông nhanh chóng lan truyền ra khắp xung quanh. (6) Tờ Len-sít (Lancet) của Luân Đôn (London) – một tạp chí y khoa nổi tiếng thế giới – đã đưa ra nhận định thể này về giá trị của thái độ vui vẻ, lạc quan: “Một tinh thần tốt là yếu tố quan trọng đối với sức khỏe của những người bệnh, người ốm yếu. Nó quyết định việc liệu một người bệnh có còn cứu được hay không, và một người yếu ớt có thể sống một đời lành mạnh, không bệnh hay không”

(Trích Lợi ích của tiếng cười, SGK Ngữ văn 8 Chân trời sáng tạo) [4]

Phân tích ví dụ trên có thể thấy:

+ Luận điểm: (1) Tiếng cười giúp trị liệu những căn bệnh tinh thần

+ Lí lẽ: (2) Tiếng cười là một hình thức chữa lành, dựa trên những nguyên lí được các chuyên gia ngành y thừa nhận. (3) Những nghiệt ngã, âu sầu, lo lắng như những gí sét bám vào cuộc sống của ta, phải được rửa sạch bằng niềm vui. (4) Thật vậy, một thầy thuốc vui vẻ, tự họ còn giúp ích nhiều hơn những viên thuốc họ kê cho bệnh nhân.

+ Dẫn chứng: (5) Ở phía tây Niu Oóc (New York), có một vị bác sĩ tên là Bơ-đích (Burdick), ông được gọi là “bác sĩ cười” vì luôn luôn xuất hiện trước mọi người với nụ cười vui vẻ nhất, và sự hài hước của ông nhanh chóng lan truyền ra khắp xung quanh. (6) Tờ Len-sít (Lancet) của Luân Đôn (London) – một tạp chí y khoa nổi tiếng thế giới – đã đưa ra nhận định thể này về giá trị của thái độ vui vẻ, lạc quan: “Một tinh thần tốt là yếu tố quan trọng đối với sức khỏe của những người bệnh, người ốm yếu. Nó quyết định việc liệu một người bệnh có còn cứu được hay không, và một người yếu ớt có thể sống một đời lành mạnh, không bệnh hay không”

Như vậy, có thể thấy

Luận cứ được xác lập bởi lí lẽ (2) (3) (4) + dẫn chứng (5) (6) dẫn đến kết luận (1) Tiếng cười giúp trị liệu tinh thần

2.1.2 Cấu trúc lập luận

a. Luận cứ

Luận cứ có vai trò quan trọng đối với việc tạo điểm xuất phát để suy luận. Trong lập luận, luận cứ là lí lẽ, chứng cứ (bằng chứng), là phương tiện quan trọng được sử dụng làm căn cứ để rút ra kết luận và để chứng minh cho kết luận. Sức mạnh thuyết phục

của lập luận phụ thuộc vào độ tin cậy của luận cứ cũng như cách tổ chức, sắp xếp trình tự của các luận cứ trong lập luận nhằm đảm bảo sự gắn kết giữa các luận cứ với nhau và với kết luận.

Dựa vào nội dung của luận cứ, có thể chia luận cứ thành hai nhóm

Nhóm các luận cứ thực tế (dẫn chứng, chứng cứ): Nhóm luận cứ này còn được gọi là các luận cứ thực tế. Đó là các số liệu, sự kiện, bằng chứng thu thập được từ thực tế hoặc từ kết quả của quá trình thực nghiệm khoa học hay các trải nghiệm thực tế.

Nhóm luận cứ là các lí lẽ: Lí lẽ trở thành luận cứ chính là các nội dung bàn luận, giải thích, trình bày... của các phát ngôn, là dữ kiện xuất phát để dẫn dắt đến một kết luận nào đó. Trong đó bao gồm hai loại lí lẽ, đó là lí lẽ khoa học và lí lẽ đời thường (lẽ thường).

Lí lẽ khoa học (hay luận cứ logic) là những chân lí phổ quát, đã được khoa học chứng minh, khẳng định. Đó là: các tư tưởng, các luận điểm khoa học, các định lí, nguyên lí, tiên đề, định luật, quy luật các phán đoán đúng/sai, logic đã được kiểm chứng và thừa nhận, tất yếu đúng ở mọi nơi, mọi lúc.

Lí lẽ đời thường (hay lẽ thường) là những kinh nghiệm sống, kinh nghiệm văn hóa, là phong tục, các thói quen, chuẩn mực ứng xử được đúc kết từ hoàn cảnh thực tiễn cụ thể, được một cộng đồng thừa nhận nên không tất yếu đúng ở mọi nơi, mọi lúc, trong mọi mối quan hệ.

b. Kết luận

Cấu trúc lập luận bao gồm kết luận và luận cứ. Có kết luận là sẽ có lập luận. Kết luận có thể là kết luận tường minh nhưng cũng có thể là kết luận hàm ẩn. Người nói có thể không nói ra nhưng qua suy luận, người nghe sẽ hiểu và rút ra được kết luận. Vị trí của kết luận linh hoạt, có thể đứng trước, đứng sau, đứng giữa luận cứ.

Kết luận đứng trước luận cứ

Ví dụ: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước (Kết luận). Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước. Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang của thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

(*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*, Hồ Chí Minh, Ngữ văn 8 Chân trời sáng tạo) [4]

Kết luận: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước đứng trước các luận cứ phía sau

Kết luận đứng giữa luận cứ

Ví dụ: Nếu như họ chăm chỉ và làm việc suốt thời gian dài sau vài năm đi dạy. Tôi có thể kết luận rằng, giáo dục học sinh cần giáo dục dưới góc độ động lực và tâm lý học. Trong giáo dục, điều duy nhất chúng ta đánh giá được học sinh là qua IQ. Nhưng biết đâu việc bạn có thể học tốt và sống tốt phụ thuộc vào nhiều thứ hơn là khả năng tiếp thu nhanh và dễ dàng?

Kết luận: Giáo dục học sinh cần giáo dục dưới góc độ động lực và tâm lý học

Kết luận đứng sau luận cứ

Ví dụ: Nước chảy, đá mòn

Kết luận: Đá mòn

2.2. Xây dựng bài thuyết trình nghị luận dựa trên cấu trúc của lập luận

Dựa trên lý thuyết về lập luận đã trình bày, một lập luận hoàn chỉnh bao gồm các luận cứ và dẫn đến một kết luận. Vì vậy, nếu coi toàn bộ bài thuyết trình là một đại lập luận ta có thể có sơ đồ sau:

Luận cứ (Các phần Mở - Thân - Kết) → **Kết luận** (Mục đích thông điệp muốn truyền tải)

Trong đó, các phần Mở - Thân - Kết sẽ tương ứng một tiểu lập luận

Như vậy để xây dựng một bài thuyết trình nghị luận hiệu quả, cần xác định rõ ràng mục đích và cấu trúc của từng phần Mở - Thân - Kết. Dưới đây sẽ là một số gợi ý xây dựng mở bài, thân bài, kết bài đặc sắc dựa trên lý thuyết về lập luận

2.2.1 Phần mở đầu

Phần mở đầu trong bài thuyết trình nghị luận thường có nội dung nêu vấn đề. Đây chính là luận đề xuất phát hoặc luận đề bao trùm của toàn bộ bài nói. Có hai cách mở đầu bài thuyết trình: nêu trực tiếp hoặc nêu gián tiếp vấn đề (dẫn dắt rồi sau đó mới nêu vấn đề). Một số cách dẫn dắt có thể kể đến: kể một câu chuyện cá nhân; giới thiệu bản thân; nêu câu hỏi hoặc thực hiện khảo sát nhanh; đưa ra một trích dẫn có giá trị. Bản chất của phần mở đầu gián tiếp cũng chính là một lập luận, trong đó luận cứ là phần nội dung dẫn dắt, kết luận (phân nêu vấn đề) đứng sau luận cứ.

a. Mở đầu bằng một câu chuyện cá nhân

Chúng ta có thể mở đầu bằng một câu chuyện hoặc một trải nghiệm cá nhân. Vì sao lại không kể những câu chuyện của người khác mà lại lấy chính bản thân làm ví dụ? Cách mở đầu này gần gũi, trực quan nên đặc biệt thu hút được sự chú ý của khán giả.

Bởi lẽ, ai cũng muốn biết về quá khứ một người khác như một sự tò mò từ sâu trong nội tâm. Đặc biệt, những người thành công hầu hết đều là những người có những quá khứ và trải nghiệm hết sức đặc biệt. Từ việc xây dựng luận cứ dựa trên trải nghiệm cá nhân, nội dung hướng đến sẽ dẫn ra một kết luận chính là vấn đề sẽ trình bày tiếp sau đó

b. Mở đầu bằng cách giới thiệu bản thân

Cách mở đầu bằng việc diễn giả tự giới thiệu bản thân, sử dụng cấu trúc giới thiệu về chính mình như “Tôi là một nhà giáo” “Tôi là một du học sinh” hay “Tôi từng là nạn nhân của bạo lực học đường”... giúp cử tọa nắm bắt nhanh thông tin về người nói, hình dung ra những điểm mạnh, những lĩnh vực mà người nói có ưu thế, hay câu chuyện mà người nói trải qua. Từ đó, diễn giả có thể gây dựng sự tin tưởng, lắng nghe với cử tọa.

c. Mở đầu bằng các câu hỏi hoặc khảo sát nhanh

Cách mở đầu này tạo nên sự chú ý đặc biệt cho cử tọa bởi diễn giả sẽ dẫn dắt từ chính trải nghiệm của những người đang tương tác.

Người thuyết trình vốn ở vị thế chủ động hơn người nghe bởi họ am hiểu kiến thức, kỹ năng đang được bàn luận; do đó, hầu như các phát ngôn của người thuyết trình chiếm hầu hết thời gian, lời lượt của buổi nghe nói. Vì vậy, để tăng tính tương tác, việc người thuyết trình đặt câu hỏi về trải nghiệm của người nghe sẽ giúp kéo gần khoảng cách. Bài thuyết trình không còn là bài giáo huấn, truyền đạt tư tưởng mà tựa như một cuộc trò chuyện, trao đổi thân tình.

Việc đưa ra câu hỏi, lấy đáp án khảo sát từ người nghe cũng được coi là một luận cứ (căn cứ để xác định) nội dung trình bày tiếp theo sẽ hướng tới mục đích dựa trên những khảo sát từ chính người nghe.

d. Mở đầu bằng trích dẫn

Cách mở đầu này gợi dẫn từ một trích dẫn đã có trước (thành ngữ, tục ngữ hay một câu nói quen thuộc) là cách khái quát nội dung tư tưởng của bài thuyết trình ngay mở đầu và hướng sự chú ý của cử tọa vào nội dung đó. Mỗi trích dẫn cũng được coi là một luận cứ (lẽ thường, điều hiển nhiên được đúc kết từ xa xưa) và toàn bộ nhiệm vụ của người thuyết trình là dẫn dắt người nghe để minh chứng cho nhận định, tư tưởng đó.

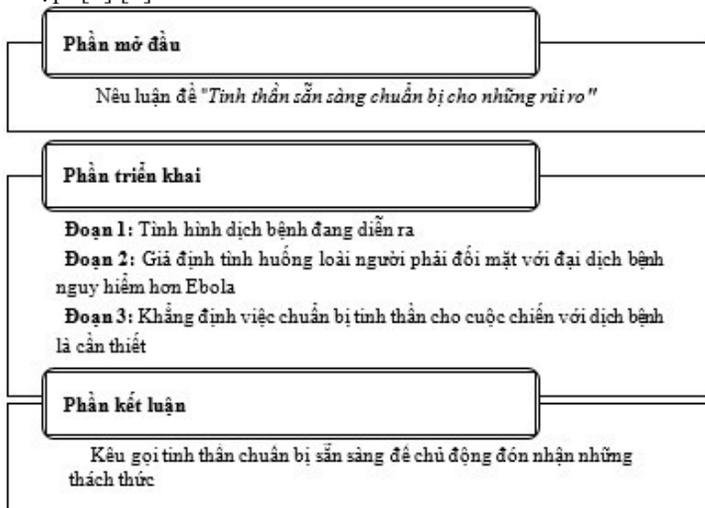
Ví dụ: Với nhận định được trích dẫn ngay từ mở đầu: “*Cuộc sống thật dễ dàng*”, người nghe có thể đồng tình hoặc không đồng tình. Nhiệm vụ của diễn giả là chứng minh, thuyết phục cử tọa chấp nhận quan điểm mà mình đưa ra.

2.2.2. Phần triển khai

Phần triển khai của bài thuyết trình trình bày

những nội dung cơ bản. Phần triển khai này có thể tách ra thành nhiều đoạn nhỏ, mỗi đoạn hoặc một số đoạn đảm nhận một chủ đề bộ phận. Các chủ đề bộ phận làm sáng tỏ chủ đề chung. Nhìn chung số lượng đoạn của mỗi bài thuyết trình linh hoạt, tùy thuộc vào nội dung bài nói. Hệ thống chủ đề bộ phận tạo thành hệ thống luận điểm góp phần làm rõ luận đề được nêu ở mở đầu hoặc chốt lại ở phần kết luận.

Ví dụ: Trong bài thuyết trình *The next outbreak? We're not ready* (Khủng hoảng tiếp theo là gì? Chúng ta chưa sẵn sàng) của diễn giả Bill Gates trong chương trình TED's TALK có cấu trúc rõ ràng, mạch lạc, được triển khai theo cấu trúc Tổng - Phân - Hợp. [5] [6]



Sơ đồ 2.2.2 Minh họa cấu trúc nội dung trong một diễn ngôn diễn thuyết [5]

Nếu coi toàn bộ bài thuyết trình là đại lập luận, thì riêng phần thân bài sẽ là các tiểu lập luận, trong đó bao gồm:

Phần triển khai của diễn ngôn gồm 3 luận cứ, tương ứng 3 tiểu lập luận:

Tiểu lập luận (đoạn 1): Luận cứ: *Các minh chứng về đại dịch Ebola ở Châu Phi*, kết luận: *Chúng ta đã thất bại trong việc chống dịch.* (P1)

Tiểu lập luận (đoạn 2): Luận cứ: *Có một loại virut còn nguy hiểm hơn cả Ebola khi nó có thể lây lan thậm chí là trong không khí*; kết luận: *Cần chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với dịch.* (P2)

Tiểu lập luận (đoạn 3): Luận cứ: *Các giải pháp để phòng chống bệnh, những việc mà chính phủ và mỗi cá nhân*; kết luận: *Nếu như dịch bệnh bùng phát, chúng ta luôn sẵn sàng có lực lượng hùng hậu từ y tế và người hỗ trợ.* (P3)

Ba luận cứ của đại lập luận P1, P2, P3 trên là xuất

phát điểm để dẫn đến kết luận bao trùm: *Chúng ta cần phải sẵn sàng đối mặt với dịch bệnh.*

2.2.3. Phần kết thúc

Phần kết thúc thường có nội dung nhắc lại vấn đề thuyết trình, khẳng định tư tưởng, đưa ra một thông điệp, cảm ơn sự chú ý lắng nghe của khán giả. Đa phần các bài thuyết trình đều có thông điệp để khẳng định lại hoặc nâng cao vấn đề bàn luận và lời cảm ơn. Ngoài ra phần kết thúc có thể bằng một câu hỏi truy vấn – đưa ra những trở trở, suy nghĩ hay những câu hỏi gợi mở. Ví dụ “Còn bạn, bạn nghĩ sao về vấn đề này?” “Dựa trên những thực tế đó, điều chúng ta cần làm sẽ là gì? Tôi nghĩ mỗi người đã có câu trả lời cho riêng mình,...”

3. Kết luận

Như vậy, cấu trúc nội dung với ba phần: Mở đầu - Triển khai – Kết thúc chính là khung nội dung cho cấu trúc lập luận. Việc bố trí, sắp xếp các thành phần nội dung trong một bài thuyết trình chính là biểu hiện cách thức lập luận. Người thuyết trình chọn cách thức, phương pháp lập luận tối ưu theo quan điểm của mình để đạt hiệu quả thuyết phục người nghe cao nhất. Vận dụng lí thuyết về cấu trúc bài nghị luận và hệ thống lập luận vào bài thuyết trình sẽ mang lại một bài nói giàu sức thuyết phục, giảng dạy kĩ năng nói không chỉ đơn thuần dạy học sinh “biết nói” mà các em cần hiểu được “nói những gì” “nói như thế nào để thuyết phục người khác” - đây chính là mục đích chính của thực hành nói nghe.

Tài liệu tham khảo

1. Aristotle (2023), *Biện luận (sách dịch)*, Nxb Dân trí, Hà Nội
2. Đỗ Hữu Châu (2007), *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2 – Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Đức Dân (2000), *Logic và Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Thành Thi (chủ biên) và các cộng sự, *Ngữ văn 8, tập 1, bộ sách Chân trời sáng tạo*, Nxb BGDVN, Hà Nội
5. Nguyễn Thị Quỳnh Anh (2023), *luận văn Đặc điểm ngôn ngữ diễn thuyết của người nổi tiếng trên chương trình TED's TALK*
6. *The next outbreak? We're not ready*, TED on youtube, Nguyen Trang (dịch)
(https://www.youtube.com/watch?v=6Af6b_wyiwl)